

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Đ
TỈNH G**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 61/2024/HS-ST

Ngày: 24/9/2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH G

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Xuân H**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà **Nguyễn Thị C**

2. Ông **Lê Văn D**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Vũ Đức Q** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh G tham gia phiên tòa: Ông **Nguyễn Ngọc T** - Kiểm sát viên.

Ngày 24/9/2024, tại Trụ sở của Tòa án nhân dân huyện Đ, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 57/2024/HSST ngày 29/8/2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 61/2024/QĐXXST-HS ngày 05/9/2024, đối với bị cáo:

PHAN THỊ P (Tên gọi khác: Không) - Sinh ngày 24/6/1989 tại tỉnh N; Giới tính: Nữ; Số CMND/CCCD: 040189011505 cấp ngày 25/12/2022, nơi cấp: Cục QLHC về TTXH - Bộ Công an; Nơi cư trú: Thôn 3, xã ĐK, huyện Đ, tỉnh G; Chỗ ở: Hẻm 33, đường số 8 chợ X, Phường L, thành phố T, thành phố H; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 9/12; Nghề nghiệp: Buôn bán; Họ tên cha: Phan Văn H - Sinh năm: 1962, họ tên mẹ: Nguyễn Thị S - Sinh năm: 1969. Hiện cha, mẹ bị cáo sinh sống tại Xóm 8, xã D, huyện DC, tỉnh N; Gia đình bị cáo có 04 chị em. Lớn nhất sinh năm 1989, nhỏ nhất sinh năm 1996. Bị cáo là con lớn nhất trong gia đình; Chồng: Đào Xuân N - Sinh năm: 1984. Bị cáo có 03 người con. Lớn nhất sinh năm 2008, nhỏ nhất sinh năm 2020. Hiện chồng và các con bị cáo sinh sống tại Hẻm 33, đường số 8 chợ X, Phường L, thành phố T, thành phố H;

Tiền án, tiền sự: không; Nhân thân: Tốt.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 23/4/2024 sau đó chuyển tạm giam cho đến nay. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Đ. Có mặt tại phiên tòa.

*** Bị hại:** Chị Đào Thị Th - sinh năm 1985 và anh Trần Văn T - sinh năm 1978. Trú tại: Thôn 3, xã ĐK, huyện Đ, tỉnh G. Có mặt.

* *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án:* Anh Đào Xuân N - sinh năm 1984. Trú tại: Hẻm 33, đường số 8 Chợ X, phường L, thành phố T, thành phố H. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

1. Về hành vi phạm tội của bị cáo:

Sáng ngày 22/7/2019, vợ chồng chị Đào Thị Th (sinh năm 1985) và anh Trần Văn T (sinh năm 1978) cùng trú tại Thôn 3, xã ĐK, huyện Đ, tỉnh G đến Ngân hàng Vietcombank, chi nhánh G làm thủ tục thế chấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để vay số tiền 150.000.000 đồng. Sau khi làm thủ tục xong, Ngân hàng Vietcombank yêu cầu vợ chồng chị Thảo cung cấp số tài khoản để Ngân hàng chuyển tiền đến nhưng vợ chồng chị Thảo không có số tài khoản Ngân hàng nên chị Thảo điện thoại cho Phan Thị P (là chị dâu của Thảo) hỏi mượn số tài khoản Ngân hàng của P để Ngân hàng Vietcombank chuyển tiền cho chị Thảo thì P đồng ý và đọc số tài khoản 62010001804592 thuộc Ngân hàng Thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam (gọi tắt là Ngân hàng BIDV) cho Thảo và Ngân hàng Vietcombank đã chuyển số tiền 150.000.000 đồng vào số tài khoản 62010001804592 của P.

Sau khi nhận được tiền, P nảy sinh ý định chiếm đoạt số tiền trên để đầu tư và sinh lời thông qua hội nhóm Facebook do P tham gia từ trước nên trong ngày 22/7/2019, P đã sử dụng dịch vụ chuyển tiền SmartBanking trên điện thoại di động hiệu Iphone 6 của mình chuyển 07 lần tiền đến số tài khoản 12110000517097 của Bùi Hồng N (sinh năm 1994, trú tại xã Hữu Hòa, huyện T, thành phố H1) thuộc Ngân hàng BIDV do P quen qua mạng xã hội với tổng số tiền là 83.000.000 đồng; 01 lần chuyển số tiền 2.056.000 đồng đến số tài khoản 0031166686868 thuộc Ngân hàng MB Quân đội (hiện chưa xác định được chủ sở hữu); 1 lần chuyển số tiền 1.447.015 đồng đến số tài khoản 13210000298453 của Đào Xuân N (sinh năm 1984 – Chồng của P) để Nam đi làm tại thành phố H; 01 lần chuyển số tiền 2.240.000 đồng đến số tài khoản 0181003583038 thuộc Ngân hàng Vietcombank (hiện chưa xác định được chủ sở hữu) và 01 lần chuyển số tiền 2.020.000 đồng đến số tài khoản 0950112550001 thuộc Ngân hàng MB Quân đội (hiện chưa xác định được chủ sở hữu). Ngày 23/7/2019, tài khoản của P nhận được số tiền 1.600.000 đồng từ tài khoản số 060179936928 thuộc Ngân hàng Sacombank và P đã rút số tiền 1.000.000 đồng. Ngày 23/7/2019 và ngày 24/7/2019, P tiếp tục sử dụng điện thoại của mình chuyển 04 lần tiền đến số tài khoản 12110000517097 của Bùi Hồng N với tổng số tiền là 59.800.000 đồng. Đến ngày 19/8/2019, do không có tiền trả cho chị Thảo nên P đã bỏ trốn vào thành phố T, thành phố H sinh sống.

Ngày 23/4/2024, Phan Thị P đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ đầu thú và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

2. Về vật chứng: Đối với chiếc điện thoại hiệu Iphone 6 mà Phan Thị P sử dụng thực hiện hành vi phạm tội đã bị hư hỏng P không còn sử dụng nữa nên Cơ quan điều tra không thu giữ được.

3. Về dân sự: Bị cáo Phan Thị P đã thoả thuận trả lại cho bị hại là anh Trần Văn T và chị Đào Thị Th số tiền 150.000.000 đồng. Bị hại đã viết đơn bãi nại và không yêu cầu gì thêm.

4. Cáo trạng của Viện kiểm sát: Cáo trạng số 48/CT-VKS ngày 17/6/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh G truy tố bị cáo về tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 175 Bộ luật Hình sự. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên Cáo trạng truy tố và đề nghị:

- Về hình phạt:

Hình phạt chính: Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 175; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 54 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo từ 01 năm tù đến 01 năm 06 tháng tù.

Về hình phạt bổ sung: Gia đình bị cáo hiện có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, nuôi 03 con nhỏ nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo

- Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội và xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng đã được người có thẩm quyền tiến hành tố tụng, các cơ quan tiến hành tố tụng thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Tại phiên tòa, không ai có ý kiến hoặc khiếu nại gì nên các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng là hợp pháp.

[2] Về hành vi bị truy tố của bị cáo: Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận về hành vi phạm tội phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, đủ cơ sở kết luận: Ngày 22/7/2019, vợ chồng anh Trần Văn T và chị Đào Thị Th mượn số tài khoản Ngân hàng của Phan Thị P để nhận giúp số tiền 150.000.000 đồng do vợ chồng chị Thảo vay Ngân hàng rồi sau đó rút ra đưa cho vợ chồng chị Thảo. Tuy nhiên, sau khi nhận được tiền

vào tài khoản thì P không rút tiền để trả lại cho vợ chồng chị Thảo mà sử dụng vào mục đích cá nhân khác, sau đó đã gian dối và bỏ trốn nhằm chiếm đoạt toàn bộ số tiền trên.

Hành vi cho người khác mượn số tài khoản Ngân hàng để nhận tiền chuyển đến nhưng sau đó không trả cho chủ sở hữu mà dùng thủ đoạn gian dối, bỏ trốn để chiếm đoạt do bị cáo thực hiện là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, xâm phạm trật tự trị an xã hội. Tổng số tiền bị cáo chiếm đoạt là 150.000.000 đồng nên hành vi của bị cáo Phan Thị P đã phạm vào tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*” quy định tại điểm c khoản 2 Điều 175 Bộ luật Hình sự. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ đã truy tố đối với bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo không bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; sau khi phạm tội đã nguyện khắc phục hậu quả; tự nguyện ra đầu thú và được bị hại xin giảm nhẹ hình phạt. Ngoài ra, cha của bị cáo là ông Phan Văn H được Bình chủng Thông tin - Trung đoàn 136 Quân đội nhân dân Việt Nam tặng huy hiệu “*Vì nghĩa vụ Quốc tế*” năm 1986 nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[4] Về hình phạt:

4.1 Hình phạt chính: Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo, xét thấy cần thiết phải cách ly bị cáo ra ngoài đời sống xã hội một thời gian bằng hình phạt tù có thời hạn mới đủ tác dụng giáo dục, cải tạo riêng đối với bị cáo và răn đe, phòng ngừa chung cho xã hội. Tuy nhiên, do bị cáo được áp dụng nhiều tình tiết giảm nhẹ nên sẽ áp dụng Điều 54 Bộ luật hình sự để xử phạt bị cáo hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt quy định.

4.2 Về hình phạt bổ sung: Gia đình bị cáo hiện có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, nuôi 03 con nhỏ nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[5] Về vật chứng và về dân sự: Đã được giải quyết đúng pháp luật trong quá trình điều tra, không ai có yêu cầu gì khác nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về các vấn đề khác:

- Đối với Bùi Hồng N: Quá trình điều tra xác định chị Ngọc có đăng ký mở tài khoản số 12110000517097 thuộc Ngân hàng BIDV vào năm 2017, nhưng sử dụng được khoảng 2 đến 3 tháng thì chị Ngọc không dùng nữa. Đồng thời, chị Ngọc không

biết Phan Thị P là ai và cũng không có giao dịch chuyển tiền hay nhận tiền từ Phan Thị P và hiện tại không biết ai là người đang sử dụng số tài khoản trên nên không có căn cứ để xử lý.

- Đối với Đào Xuân N có 01 lần nhận số tiền 1.447.015 đồng do Phan Thị P chuyển đến nhưng Nam không biết tiền trên do P phạm tội mà có nên không có căn cứ để xử lý.

- Đối với các số tài khoản đã nhận tiền do P chuyển đến gồm: Số tài khoản 0031166686868; số tài khoản 0181003583038 và số tài khoản 0950112550001, Cơ quan điều tra đã có Công văn gửi đến Ngân hàng liên quan đề nghị sao kê giao dịch và thông tin người mở tài khoản nhưng hiện chưa có kết quả, khi nào có kết quả sẽ làm rõ để xử lý.

[7] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Phan Thị P phạm tội: *“Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”*

2. Về hình phạt: Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 175; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 54 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Phan Thị P 01 (một) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 23/4/2024.

3. Về án phí: Áp dụng Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Phan Thị P phải nộp 200.000đ (*Hai trăm ngàn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn này kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh G;
- VKSND tỉnh G
- VKSND huyện Đ;
- Công an huyện Đ;
- Sở tư pháp tỉnh G;
- THADS huyện Đ;
- Bị cáo;
- Người TGTT khác;
- Lưu HS, AV, VP

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Xuân H